

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC NINH
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: 48/2019/DS -ST

Ngày: 27/12/2019

V/v Tranh chấp dân sự về việc

Chuyển giao nghĩa vụ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoài N

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Nguyễn Hoài T

2. Bà Nguyễn Kim P

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lành là thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị M- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 184/2019/TLST- DS ngày 17 tháng 10 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2019/QĐXX-ST ngày 06 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Anh T, sinh năm 1955

Địa chỉ: Căn hộ B4.07 chung cư Pandora, 15 Nguyễn Thị Sóc, Ấp Mỹ Hòa 4, xã Xuân Thới Đông, huyện Hóc Môn, T.p Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Bà Trần Thị L, sinh năm 1951- có đơn vắng mặt

Địa chỉ: số nhà 57, đường 7 tháng 4, KP Ninh Hòa, TT Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trần Thị L, Sinh năm: 1953 - có đơn vắng mặt

2. Bà Bùi Thị Hạnh, Sinh năm: 1960- có đơn vắng mặt

Địa chỉ: KP Ninh Hòa, TT Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Anh T trình bày:

Trước đây do quen biết, bà Bùi Thị Hạnh có nhờ ông Tuấn viết các đơn khiếu

nại và khởi kiện gửi đến các cơ quan có thẩm quyền để giải quyết tranh chấp đất, sau khi có kết quả khả quan, bà Hạnh muốn tự mình làm tiếp nên bà Hạnh trả công cho ông Tuấn là 32.500.000đồng, sau đó bà Hạnh hẹn đến ngày 08/8/2019 là trả, nên đến hạn nhưng bà Hạnh không có tiền nên đã vay của bà Liên số tiền trên để trả cho ông Tuấn, bà Liên đã đồng ý viết giấy mượn tiền cho bà Hạnh vay số tiền 75 triệu đồng trong đó có 32.500.000đ để trả cho ông Tuấn, nhưng thay vì trả tiền cho ông thì bà Liên lại nói “em đang cần tiền nên cho em mượn lại”, đồng thời bà liên có viết cho ông Tuấn một giấy hẹn trả nợ ngày 08/8/2019, hẹn đến ngày 08/10/2019 sẽ thanh toán hết số nợ. Nhưng khi đến hạn và cho tới nay nhưng bà Liên vẫn chưa thanh toán cho ông Tuấn

Nay yêu cầu bà Liên trả số tiền 32.500.000đồng, ngoài ra ông không yêu cầu nào khác.

Tại biên bản lấy lời khai và tại bản tường trình bị đơn bà Trần Thị L trình bày:

Do có quen biết nên bà Liên giới thiệu ông Tuấn cho bà Hạnh để làm thủ tục khởi kiện ở tòa án, Hợp đồng dịch vụ pháp lý với số tiền 150 triệu đồng, do các bên không thực hiện nữa ông Tuấn đòi tiền bà Hạnh với số tiền 75 triệu đồng, ông Tuấn có hứa chia cho bà 30% trong số tiền 75 triệu đồng, ngày 08/8/2019 bà có đưa cho bà Hạnh 20 triệu đồng để trả cho ông Tuấn, bà Hạnh còn nợ lại ông Tuấn số tiền 32.500.000đ, bà Liên đứng ra viết giấy nhận nợ trả thay cho bà Hạnh, đồng thời bà Hạnh viết giấy nợ bà Liên với số tiền 75 triệu đồng.

Nay ông Tuấn khởi kiện yêu cầu bà Liên trả số tiền 32.500.000đồng thì bà Liên không đồng ý vì:

Ông Tuấn qua mặt bà nhận của bà Hạnh 20 triệu đồng thêm một vụ án khác cũng nằm trên thửa đất tranh chấp do ông Tuấn vẽ thêm để thu lợi nhuận từ bà Hạnh cho cá nhân ông Tuấn trước khi bà viết giấy nợ cho ông Tuấn.

Ông Tuấn làm được 1/3 công việc hơn nữa bà Hạnh không có khả năng trả nợ cho tôi nên bà không cho bà Hạnh vay nữa. Ngoài ra bà cũng không có ý kiến yêu cầu gì.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 05 tháng 11 năm 2019 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị L trình bày:

Bà Tánh cho rằng việc ghi giấy cũng như thỏa thuận như thế nào với ông Tuấn thì bà Tánh không biết, bà Tánh không liên quan gì đến số tiền trên cũng không liên quan thỏa thuận gì tới ông Tuấn cũng như bà Liên, bà Tánh cũng không biết gì đến giấy hẹn nợ do bà Liên viết, bà Tánh không có ý kiến và cầu gì trong vụ án.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/11/2019 và ngày 18/12/2019 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị Hạnh trình bày:

Bà Hạnh có làm hợp đồng dịch vụ pháp lý để ông Tuấn đứng ra làm thủ tục khởi kiện vụ án của gia đình bà, thỏa thuận phí dịch vụ là 150.000.000đồng, tiền trả dần, có làm hợp đồng dịch vụ có chữ ký của các bên, tuy nhiên hợp đồng nay bà không còn giữ. Bà Hạnh có làm giấy mượn tiền với bà Liên số tiền 75 triệu đồng, trong đó có tiền 32.500.000đồng để trả cho ông Tuấn, nhưng ông Tuấn không đồng ý để bà Hạnh

trả nợ nên bà bà Liên tự nhận nợ với ông Tuấn và hứa trả số tiền trên, khi nào xong việc thì bà Hạnh trả nợ lại cho bà Liên, bà Liên không nợ gì ông Tuấn. Nay bà Hạnh đã nhận nợ riêng với bà Liên thì bà Liên phải có trách nhiệm thanh toán cho ông Tuấn. Bà Hạnh không có ý kiến và yêu cầu gì đối với vụ án này.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự, việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử được chấp hành đúng quy định của pháp luật, việc chấp hành quy định pháp luật của thư ký tòa án được chấp hành đúng quy định tại Điều 51 và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tại Điều 70, Điều 71, bị đơn chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa những người tham gia tố tụng chấp hành đúng nội quy phiên tòa theo Điều 234 Bộ luật của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh đề nghị Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp Hợp đồng dịch vụ.

Về nội dung vụ án: Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Anh T về việc buộc bà Trần Thị L phải trả cho ông Nguyễn Anh T số tiền còn thiếu là 32.500.000đồng.

Đề nghị Hội đồng xét xử xác định lại tư cách bị đơn cũng như người có quyền lợi liên quan trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại Tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Ông Nguyễn Anh T có đơn khởi kiện yêu cầu bà Liên trả nợ. Xét bà Liên có hộ khẩu thường trú tại KP Ninh Phú, xã TT Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp giao dịch dân sự về việc chuyển giao nghĩa vụ định theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS, Điều 370 bộ luật dân sự 2015 và điểm a, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

Về nội dung:

[2] Hai bên nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất là vào ngày 08 tháng 8 năm 2019 bà Liên có viết giấy hẹn trả nợ với ông Tuấn số tiền 32.500.000đồng, thỏa thuận thời hạn trả nợ là ngày 08/10/2019, khi thỏa thuận có lập giấy tờ do bà Liên viết và ký tên.

Căn cứ vào lời khai nhận của bà Hạnh, ông Tuấn thì bà có làm hợp đồng dịch vụ pháp lý với ông Tuấn, hiện hợp đồng các bên không còn giữ, do hai bên không tiếp tục thực hiện hợp đồng nên bà Hạnh đã thống nhất trả tiền cho ông Tuấn, do không có tiền nên bà viết giấy mượn tiền bà Liên với số tiền 75 triệu đồng để trả cho

ông Tuấn số tiền 32.500.000đ, tuy nhiên do ông Tuấn không đồng ý để bà Hạnh trả nên bà Liên đứng ra nhận nợ và trả thay cho bà Hạnh, bà Hạnh đồng ý.

Như vậy bà Hạnh đã chuyển giao nghĩa vụ trả nợ cho bà Liên, ông Tuấn thống nhất với số tiền trên, ông Tuấn và bà Hạnh thống nhất việc thỏa thuận tiền bạc giữa ông Tuấn và bà Hạnh là xong.

Căn cứ vào giấy hẹn trả nợ ngày 08/8/2019 thể hiện nội dung “*tôi tên Trần Thị L có nợ anh Nguyễn Anh T luật sư vụ kiện tranh chấp đất của nguyên đơn của Trần Thị L và Bùi Thị Hạnh, tôi xin nhận nợ giúp cho hai người này số tiền phí luật sư 32.500.000đ, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm thanh toán 32.500.000đ, ngày 08/10/2019 sẽ trả dứt điểm*”

Như vậy bà Liên đứng ra nhận nợ trả cho bà Hạnh được thể hiện trong giấy hẹn trả nợ, bà Hạnh đồng ý, tại phiên tòa ông Tuấn đồng ý việc chuyển giao nghĩa vụ trả nợ từ bà Hạnh qua bà Liên và bà Liên cũng chưa giao số tiền 32.500.000đ cho bà Hạnh là phù hợp với Điều 370 Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào điều 116, điều 117 Bộ luật dân sự 2015 quy định:

Điều 116. Giao dịch dân sự

“Giao dịch dân sự là hợp đồng hoặc hành vi pháp lý đơn phương làm phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự.”

Điều 117. Điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự

“1. Giao dịch dân sự có hiệu lực khi có đủ các điều kiện sau đây:

- a) Chủ thể có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự phù hợp với giao dịch dân sự được xác lập;*
- b) Chủ thể tham gia giao dịch dân sự hoàn toàn tự nguyện;*
- c) Mục đích và nội dung của giao dịch dân sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.”*

Theo quy định tại điều 370 Bộ luật dân sự 2015 quy định:

“Điều 370. Chuyển giao nghĩa vụ

1. Bên có nghĩa vụ có thể chuyển giao nghĩa vụ cho người thế nghĩa vụ nếu được bên có quyền đồng ý, trừ trường hợp nghĩa vụ gắn liền với nhân thân của bên có nghĩa vụ hoặc pháp luật có quy định không được chuyển giao nghĩa vụ.

2. Khi được chuyển giao nghĩa vụ thì người thế nghĩa vụ trở thành bên có nghĩa vụ.”

Theo quy định tại điều 280, Điều 351 Bộ luật dân sự quy định:

“Điều 280. Thực hiện nghĩa vụ trả tiền

1. Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thỏa thuận.

2.....”

Điều 351. Trách nhiệm dân sự do vi phạm nghĩa vụ

“1. Bên có nghĩa vụ mà vi phạm nghĩa vụ thì phải chịu trách nhiệm dân sự đối với bên có quyền.

Vi phạm nghĩa vụ là việc bên có nghĩa vụ không thực hiện nghĩa vụ đúng thời hạn, thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ hoặc thực hiện không đúng nội dung của nghĩa vụ.”

[3] Căn cứ vào giấy hẹn trả nợ ngày 08/8/2019 và tại phiên tòa thì xác định đây là sự thỏa thuận giữa bà Hạnh, bà Liên, ông Tuấn, chủ thể của giao dịch dân sự có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và hoàn toàn tự nguyện không ai ép buộc, Như vậy bà Hạnh có thừa nhận bà đã chuyển giao nghĩa vụ trả tiền cho bà Liên, bà Liên đồng ý theo như giấy hẹn trả nợ, đồng thời bà Hạnh cũng viết giấy mượn tiền từ bà Liên nên bà Liên khai nhận không đồng ý trả nợ cho ông Tuấn là không có cơ sở.

Từ những nhận định trên và các quy định của Bộ luật dân sự nên có đầy đủ cơ sở cần buộc bà Liên trả cho ông Nguyễn Anh T số tiền 32.500.000đ.

Đối với bà Trần Thị L và bà Bùi Thị Hạnh không có yêu cầu gì, ông Tuấn không có yêu cầu gì đối với bà Hạnh nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí Tòa án thì *“Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận”*.

Như vậy, bà Trần Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên bà Liên sinh năm 1951, ông Nguyễn Anh T sinh năm 1955 là người cao tuổi theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi năm 2009. Căn cứ vào điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì bà Liên, ông Tuấn được miễn nộp tiền án phí.

[5] Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 116, Điều 117, Điều 280, Điều 351, Điều 370 Bộ luật dân sự năm 2005

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Anh T

Buộc bà Trần Thị L phải trả cho ông Nguyễn Anh T số tiền là 32.500.000đồng

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và khi có đơn yêu cầu thi hành án mà bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm: bà Trần Thị L, ông Nguyễn Anh T không phải chịu án phí.

3/ Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự mà người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4/ Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Bình Phước
- VKS huyện Lộc Ninh
- Các đương sự.
- THA DS huyện Lộc Ninh
- Lưu hồ sơ

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Hoài N

